

Số: 234 /2022-CBTT

Ngày 12 tháng 08 năm 2022

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

- Tên CTQLQ: **CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)**
  - Tên Quỹ ETF niêm yết: **Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**
  - Mã chứng khoán: **FUEVFNVD**
  - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM
  - Điện thoại: 08-3825 1488 Fax: 08-3825 1477
  - Email: [cskh@dragoncapital.com](mailto:cskh@dragoncapital.com) website: <http://dragoncapital.com.vn>
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ bán niên năm 2022**
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ vào ngày 12/08/2022 tại đường dẫn [http:// dragoncapital.com.vn](http://dragoncapital.com.vn) của quỹ ETF/công ty quản lý quỹ.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*Tài liệu đính kèm/Attached documents*

**Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ bán niên năm 2022.**

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM**



**NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH**  
Giám đốc điều hành nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư

**PHỤ LỤC XXV**

**MẪU BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÁN NIÊN, NĂM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ  
QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON  
CAPITAL VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Tp HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ**

***Bán niên 2022***

***Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán nhà nước***

***- Sở giao dịch chứng khoán Tp HCM***

**1. Thông tin về quỹ**

a) Tên của quỹ, loại hình quỹ : **QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ :

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN DIAMOND

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động ..

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có) : được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động

d) Danh mục tham chiếu (nếu có) : Danh mục chỉ số **VN DIAMOND** :





Mã cổ phiếu và tỷ trọng trong FUEVFNVD tại ngày 30/06/2022 như sau:

Số thứ tự	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)
1	MWG	17.1%
2	PNJ	16.0%
3	FPT	15.5%
4	REE	10.2%
5	TCB	7.6%
6	VPB	6.7%
7	ACB	6.4%
8	MBB	5.0%
9	GMD	2.5%
10	TPB	2.4%
11	MSB	2.2%
12	KDH	1.9%
13	VIB	1.8%
14	CTG	0.9%
15	EIB	0.8%
16	NLG	0.7%
17	OCB	0.6%
18	CTD	0.3%
19	DHC	0.3%
20	TCM	0.1%

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

-Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sẽ không phân phối lợi nhuận.

-Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2021	489,800,000	ccq
Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ	256,500,000	ccq
Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ	(54,600,000)	ccq
Tổng số lượng chứng chỉ Quỹ tại ngày 30/06/2022	691,700,000	ccq

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có): ) được đề cập trong Điều lệ được Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2021 triệu tập Lần 2 của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (tên cũ: Quỹ ETF VFMVN DIAMOND) ngày 21/04/2022 (chi tiết theo file đính kèm).



20220421 -  
FUEVFNVD - Điều lệ r

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn **Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (FUEVFNVD)- Điều lệ quỹ năm 2022 (dragoncapital.com.vn)**

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2021 triệu tập Lần 2 của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (tên cũ: Quỹ ETF VFMVN DIAMOND) ngày 21/04/2022 đã thông qua nội dung kết quả hoạt động của Quỹ năm 2021, ngân sách,

kế hoạch hoạt động năm 2022, những thay đổi về điều lệ quỹ phù hợp với pháp luật... (chi tiết theo file đính kèm).



202204021 -  
FUEVFNVD - NQ DH I

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của quỹ/công ty quản lý quỹ tại đường dẫn **Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND (FUEVFNVD)- Biên bản & Nghị quyết Đại hội thường niên năm tài chính 2021- triệu tập lần 2 ngày 21/04/2022 (dragoncapital.com.vn)**

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ ETF: Công ty quản lý quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Điều 79 Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

## 2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất: Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ vào ngày 22/04/2020 theo giấy chứng nhận số 43/GCN-UBCK.

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán);

Danh mục đầu tư được phân bổ theo tài sản như sau :

Cơ cấu tài sản quỹ	30-06-2022	30-06-2021	30-06-2020
Danh mục chứng khoán	98.55%	99.73%	99.35%
Tài sản khác	1.45%	0.27%	0.65%
<b>Cộng</b>	<b>100.00%</b>	<b>100.00%</b>	<b>100.00%</b>

Danh mục đầu tư được phân bổ theo ngành như sau:

Ngành	30/6/2020	30/6/2021	30/6/2022
Ngân Hàng	39.8%	45.0%	34.3%
Phần Mềm & Dịch Vụ Phần Mềm	14.9%	16.1%	15.5%
Bán Lẻ	14.3%	13.9%	33.2%
Bất Động Sản	13.4%	3.7%	2.9%
Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng	7.9%	10.5%	0.1%
Hàng Hóa Công Nghiệp	5.5%	5.4%	0.0%
Vận Tải	3.6%	5.3%	2.5%
Tiền mặt & Khác	0.6%	0.1%	1.1%
Dịch Vụ Tài Chính	0.0%	0.0%	10.2%
Vật Liệu	0.0%	0.0%	0.3%
<b>Tổng</b>	<b>100.0%</b>	<b>100.0%</b>	<b>100.0%</b>



Chỉ tiêu	30/06/22	30/06/21	30/06/20
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	18,782,035,010,521	13,530,434,553,505	1,362,487,799,178
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (VND)	691,700,000	529,800,000	119,100,000
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND)	27,153.44	25,538.75	11,439.86
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	31,109.56	25,538.75	12,649.93
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	24,189.11	16,585.33	10,772.59
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	27,590	25,700	11,630
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	32,250	25,740	12,770
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	24,500	16,740	10,500
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	-3.57%	50.46%	Không áp dụng
2.9.1 Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	-6.89%	40.71%	Không áp dụng
2.9.2 Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	3.32%	9.75%	Không áp dụng
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không có	Không có	Không có
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không có	Không có	Không có
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không có	Không có	Không có
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1.08%	1.15%	1.15%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	16.80%	52.36%	7.46%

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập) như sau :

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lãi / (lỗ) do đánh giá các khoản đầu tư chưa thực hiện	(1,299,285,319,465)
2	Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...)	93,383,908,605
3	Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu	636,155,072,703
4	Tổng chi phí	(83,024,425,372)
5	<b>Tổng cộng</b>	<b>(652,770,763,529)</b>

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ : không có
- Thời điểm phân chia lợi nhuận : không có
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận : không có

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định :

(i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm)	581,977,221,985
(ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm)	
(iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm)	

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác : nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập : Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Cty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm.
- d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

### 3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau :

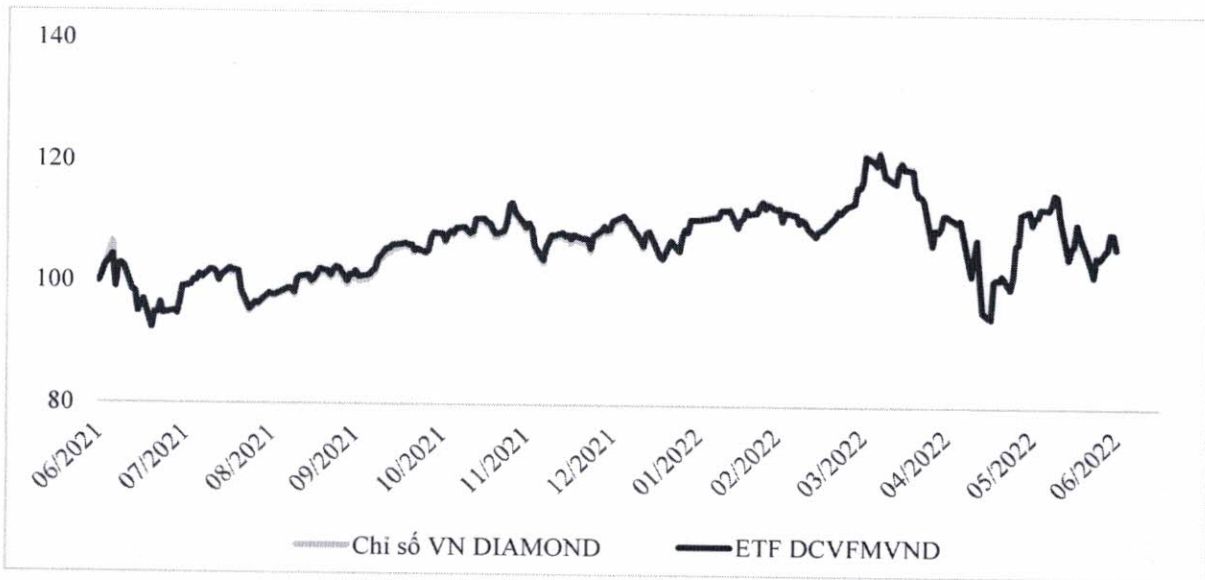
- a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có) : không có
- b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ) :

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất kết quả hoạt động và sự biến động của chỉ số VN DIAMOND. Trong kỳ báo cáo, Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu chỉ ở mức thấp khoảng 0.67%.

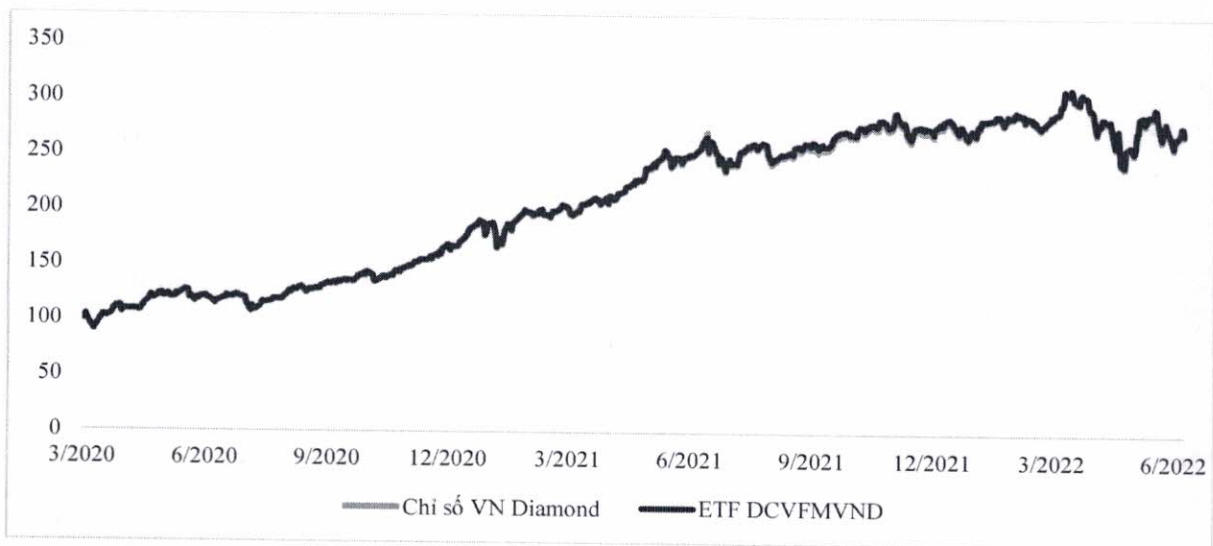
- c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị) :

C. S. /  
 TY  
 AN  
 Y DA  
 CAPI  
 NAM  
 HO





d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị) :



e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ :

Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ

động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chi số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo :

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30/06/2022 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu chiếm trên 95%, do Quỹ là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chi số. Sự khác biệt chủ yếu giữa hai kỳ đến từ sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng một số ngành trong danh mục đầu tư và việc thêm vào các cổ phiếu thỏa mãn tiêu chí chi số cũng như loại ra các cổ phiếu không thỏa mãn.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này so với tại kỳ báo cáo gần nhất :

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 30/06/2022 của Quỹ ETF DCVFMVND là 27,153.44 đồng tăng khoảng 6.3% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tính tại ngày 30/06/2021, cùng thời gian đó chi số tham chiếu tăng tương ứng 6.3%.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản : cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap) :

Sáu tháng đầu năm 2022 thị trường chứng khoán Việt Nam có sự điều chỉnh mạnh về điểm số khi chỉ số VN-Index giảm khoảng 20.1% so với cuối năm 2021. Giá trị chỉ số VN30 đại diện cho các cổ phiếu có vốn hóa lớn và thanh khoản hàng đầu Việt Nam có mức giảm 18.7%, chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa vừa (VNMid-cap) có mức giảm 29.7% và chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ (VNSmall-cap) có mức giảm 34.5%. Chỉ số VN Diamond giảm nhẹ 3.6% so với cuối năm 2021.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách) : không có

j) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: không có

k) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có) : không có

l) Các thông tin khác (nếu có).

#### **4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát : NHGS**

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.



b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Danh mục lưu ký của Quỹ đều được lưu ký tại Ngân hàng giám sát. Trong quá trình giám sát hoạt động của Quỹ, Ngân hàng lưu ký luôn quản lý và lưu ký tách biệt tài sản của từng quỹ; tách biệt tài sản của các quỹ, với tài sản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tách biệt với các tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát. Mỗi quỹ được mở một tài khoản lưu ký chứng khoán riêng biệt, tách biệt với tài khoản lưu ký chứng khoán của các cá nhân, tổ chức khác, kể cả là của công ty quản lý quỹ.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ/ mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành thêm chứng chỉ quỹ: phát hành thêm 256.500.000 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 2.565.000.000.000 đồng.
- Mua lại chứng chỉ quỹ: mua lại 54.600.000 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 546.000.000.000 đồng.

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

### **5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền**

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chi tiêu	Tỷ lệ so với lợi nhuận	Tỷ lệ so với chi phí hoạt động	Tỷ lệ so với thu nhập
Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	-0.01%	0.04%	-0.01%
Chi phí dịch vụ Quản trị Quỹ	-0.26%	2.12%	-0.30%

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ : Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể , hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

Stt	Chi tiêu	Số tiền
1	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	33,000,000
2	Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ	1,684,853,738

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư : Tốt

**Tổng Giám đốc / Giám đốc Công ty quản lý quỹ**



**NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH**  
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH NGHIỆP VỤ  
HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

